

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 507/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 663/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1010/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Lầu E, khối E, Tòa nhà Cộng Hòa G, số B C, phường A, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M: Bà Hà Phương Hồng T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Phương Hồng T: Ông Nguyễn Lê T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Số B, ấp L, xã L, huyện C, TP ..

Bị đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ I, khu dân cư S, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Lê T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Đỗ Văn N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ Văn N có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T2 (được chuyển đổi từ Công ty T2) và Công ty TNHH M đã mua khoản nợ từ Công ty Tài chính. Khoản nợ của ông N cụ thể như sau: Ngày giải ngân: 16/10/2018; số tiền vay: 30.240.000 đồng; lãi suất vay: 68 %/ năm; thời hạn vay: 18 tháng; số tiền vốn và lãi đã thanh toán: 32.882.000 đồng; ngày thanh toán cuối cùng: 13/6/2020; ngày mua nợ: 29/3/2021. Dư nợ còn lại: Nợ gốc: 12.636.045 đồng, nợ lãi: 7.207.432 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông N đã ký hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67G1-537.74, số khung RLHJC7680GZ-061176.

Từ ngày quá hạn đến nay, Công ty TNHH M đã nhiều lần áp dụng các biện pháp cần thiết để đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông N vẫn không thực hiện việc thanh toán. Do đó, Công ty TNHH M yêu cầu ông N phải hoàn trả số tiền nợ gốc 12.636.045 đồng. Trường hợp ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 67G1-537.74, số khung RLHJC7680GZ-061176 mang tên Đỗ Văn N để thu hồi khoản vay.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đỗ Văn N vắng mặt không rõ lý do. Ông N cũng không giao nộp văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tòa án ban hành Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số: 1106/2024/TB-TA ngày 12/8/2024 để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Công ty TNHH M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, do các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã V ngày 02/8/2024, xác định: Ông Đỗ Văn N, sinh ngày 08/7/1998 có nơi thường trú tại địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Theo biên bản xác minh ngày 26/7/2024, đại diện Ban ấp V, xã V, huyện A cho biết: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1998 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ I, khu dân cư S, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Trước đây, ông N hiện nay đi làm ăn xa, chỉ trở về địa phương trong các dịp lễ, Tết.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành

xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về xử lý tài sản thế chấp. Buộc ông Đỗ Văn N trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc: 12.636.045 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn N ký hợp đồng vay tiền với Công ty T2. Khoản nợ của ông N đã được Công ty TNHH M mua lại từ Công ty T2. Căn cứ Điều 68, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Công ty TNHH M có quyền khởi kiện và là nguyên đơn trong vụ án, ông Đỗ Văn N là bị đơn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH M kiện yêu cầu ông N thanh toán khoản nợ vay còn lại theo hợp đồng mà ông N đã ký kết với Công ty T2. Xét ông N là cá nhân, vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản”, là tranh chấp dân sự; bị đơn cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.3] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, ông N đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn Công ty TNHH M có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20181008 - 5974995 giữa ông Đỗ Văn N với Công ty T2 được lập thành văn bản, hình thức vay tín chấp, có biện pháp bảo đảm; ông N có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, nên đảm bảo về mặt hình thức. Nội dung Hợp đồng ghi nhận việc ông N nhận vay 30.240.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, lãi suất 68 %/ năm, thời hạn vay: 18 tháng. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, cơ chế điều

chính lãi suất, thông tin cá nhân khách hàng và cam kết của các bên. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nội dung tranh chấp:

Theo Công ty TNHH M tính đến ngày 13/6/2020, ông N đã thanh toán số tiền 32.882.000 đồng, còn nợ: Nợ gốc: 12.636.045 đồng, nợ lãi: 7.207.432 đồng. Nội dung này Tòa án đã thông báo nhưng ông P không có ý kiến. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định số tiền ông P còn nợ Công ty TNHH M: Nợ gốc: 12.636.045 đồng, nợ lãi: 7.207.432 đồng. Đến nay, ông N chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, là có lỗi. Tuy nhiên Công ty TNHH M chỉ yêu cầu ông N trả vốn gốc mà không yêu cầu trả nợ lãi là có lợi cho ông N. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M, buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ vốn gốc còn lại là 12.636.045 đồng.

Về yêu cầu duy trì tài sản thế chấp: Công ty TNHH M có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH M và ông Đỗ Văn N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 68, 92, 186, 207, 217, 227, 228, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

1. Buộc ông Đỗ Văn N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 12.636.045 (mười hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông N không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

3. Về án phí: Ông Đỗ Văn N phải chịu 632.000 (sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Công ty TNHH M số tiền 316.000 (ba trăm mười sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009748 ngày 22/7/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của Công ty TNHH M và ông Đỗ Văn N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn